

Số: ~~1792~~BC - UBND

Tam Hợp, ngày 09 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NS XÃ NĂM 2024 VÀ
PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU – CHI NS XÃ NĂM 2025
(Trình kỳ họp thứ 10, HĐND khóa 20)

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU – CHI NS NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND Huyện Quỳnh Hợp về việc quy định cơ chế quản lý điều hành ngân sách năm 2024 huyện Quỳnh Hợp;

Căn cứ Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Huyện Quỳnh Hợp về việc giao dự toán thu – chi ngân sách cấp xã năm 2024;

Căn cứ thông báo số 78/TB-TC-KH ngày 02/01/2024 về việc giao dự toán thu-chi ngân sách cấp xã năm 2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15/01/2024 của HĐND xã Tam Hợp về việc phê chuẩn dự toán chi ngân sách xã năm 2024 UBND xã Tam Hợp xin báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Thu - Chi ngân sách năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện thu NS năm 2024

Tổng thu 11 tháng và ước tháng 12 năm 2024: 12.365.545.000 đồng đạt 137,58% KH, tăng 10,33% so với cùng kỳ năm 2023;

Trong đó:

1. Thu ngân sách: 9.441.200.518 đồng đạt 105,05% KH tăng 8,08% so với cùng kỳ năm 2023;

1.1. Thu trợ cấp ngân sách: 8.365.584.000 đ đạt 100,00 % KH

Tăng 14,04 % so với cùng kỳ năm 2023;

1.2. Thu trên địa bàn, điều tiết theo tỷ lệ % 1.075.616.518 đ đạt 172,93% KH

Giảm 39,20 % so với cùng kỳ năm 2023;

2. Thu chuyển nguồn sang năm 2024: 1.974.344.482 đ đạt 100 % KH

3. Thu bổ sung có mục tiêu : 950.000.000 đồng

(Có phục lục kèm theo)

- Thực hiện Nghị Quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15/01/2024 của HĐND xã Tam Hợp về việc phê chuẩn dự toán chi ngân sách xã năm 2024. Ngay sau khi có NQ của HĐND xã, UBND xã Tam Hợp đã xây kế hoạch và triển khai, phân khai công tác thu chi ngân sách năm 2024. Bên cạnh đó được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy, giám sát của HĐND xã nên công tác thu ngân sách trên địa bàn năm 2024

đạt được **137,58% KH**. Đồng thời UBND xã đã ban hành một số văn bản về tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước năm 2024.

- Ngay từ đầu năm UBND xã đã phối hợp với chi cục thuế xã và chi cục thuế trong việc lập bộ thuế và quản lý đối tượng nộp thuế trên địa bàn xã.

- Mặt trận và các ngành đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền một số luật thuế. UBND xã xây dựng đề án tăng thu ngân sách giai đoạn 2020 -2025.

II. Tình hình thực hiện chi NS năm 2024:

1. Chi thường xuyên

Ngay từ đầu năm Ban tài chính xã đã tham mưu cho UBND xã trình HĐND phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách và đã ban hành quyết định phân bổ chi hoạt động cho các tổ chức và các ngành, đảm bảo theo quy định. Công tác điều hành, quản lý thu chi ngân sách năm đã đảm bảo đúng chế độ. Chi hoạt động thường xuyên và chi các chế độ chính sách đầy đủ kịp thời, đúng quy định của luật ngân sách cũng như phân bổ của HĐND xã đầu năm. Cụ thể:

Tổng chi NS năm 2024: 12.365.545.000 đồng đạt 137,58% KH, tăng 10,33% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Chi đầu tư xây dựng: 900.000.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 8.877.875.000 đồng đạt 101,32% KH, tăng 5,01% so với cùng kỳ năm 2023;

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp ANQP:	885.340.000	đạt 100,00% KH
+ Chi sự nghiệp giáo dục:	90.740.000	đạt 100,00% KH
+ Chi sự nghiệp VH-TDTT:	210.000.000	đạt 100,00% KH
+ Chi đảm bảo XH:	239.588.000	đạt 95,52% KH
+ Chi sự nghiệp y tế:	100.000.000	đạt 90,91% KH
+ Sự nghiệp KT, MT:	260.000.000	đạt 92,86% KH
+ Chi hoạt động Đảng:	311.728.000	đạt 98,59 % KH
+ Chi HĐ quản lý NN và các ban ngành	6.429.329.000	đạt 99,95% KH
+ Chi hoạt động HĐND:	300.150.000	đạt 93,99 % KH
+ Chi khác:	51.000.000	đạt 102,00 % KH

+ Chi có mục tiêu 2024: 850.000.000 đồng

+ Chi có mục tiêu 2023 chuyển nguồn sang 2024: 135.350.000 đồng

+ Chi dự phòng: 225.247.000 đồng

+ Chi chuyển nguồn sang năm 2025: 1.377.073.000 đồng

(Có phức lục kèm theo)

Thực hiện chế độ cải cách tiền lương hàng năm theo lộ trình. UBND xã đã lập danh sách và đề nghị tăng lương theo định kỳ cho cán bộ, công chức kịp thời, đúng đối tượng hưởng thụ.

Chi lương, phụ cấp cho cán bộ xã, xóm đầy đủ, kịp thời. Chi hoạt động thường xuyên của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ, và các ngành đoàn thể đảm bảo theo phân bổ của HĐND xã.

2. Chi đầu tư XD cơ bản:

Năm 2024 : UBND xã đã cải tạo sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở UBND xã Tam Hợp trị (giá theo dự toán ban đầu): 700.000.000đ.

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo trình tự, thủ tục đầu tư từ khâu lập dự toán, thẩm định, đấu thầu, tổ chức thi công và thanh toán, quyết toán công trình. Tập trung đôn đốc các nhà thầu thi công đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và thẩm mỹ công trình sớm đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả vốn đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được còn một số những hạn chế cần khắc phục việc đôn đốc nhà thầu hoàn thành hồ sơ quyết toán một số công trình để nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

III. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Tình trạng thất thu thuế trên địa bàn vẫn còn xảy ra, do chi cục thuế giao cho bưu điện thu nên xã khó quản lý một số chỉ tiêu giao thu chưa đạt như: thuế môn bài, thuế GTGT, phí lệ phí.

- Một số nhiệm vụ chi còn chậm so với tiến độ và có những khoản chi phát sinh ngoài dự toán nên cũng gây khó khăn cho công tác điều hành chi ngân sách.

2. Nguyên nhân:

- Các chế tài xử lý vi phạm về trốn thuế chưa thực sự mang tính răn đe.
- Công tác tuyên truyền vận động đến người nộp thuế đã làm nhưng chưa thường xuyên nên một số người nộp thuế thực hiện nộp thuế chưa tốt.
- Một số ban ngành làm hồ sơ thanh toán còn chậm chưa kịp thời do nhiều yếu tố nên làm ảnh hưởng đến tiến độ chi ngân sách, bên cạnh đó một số bộ phận chuyên môn khi tham ứng không chịu làm hồ sơ thanh toán.

V. Báo cáo tình hình nợ phải thu.

1. Nợ phải thu: 71.871.000 đồng

Danh sách các xóm còn nợ phải thu

TT	Diễn giải	Số nợ	Số nộp trong năm	Số còn phải thu
1	Xóm Dinh	19.270.000		19.270.000
2	Xóm Bảo An	59.101.000	14.000.000	45.101.000
3	Xóm Vạn Tiến	12.139.000	4.639.0000	7.500.000

2. Nợ phải trả:

Tổng nợ các công trình xây dựng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là:
8.741.609.553 đồng (Có phục lục kèm theo)

PHẦN THỨ II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

I. DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

A. Tổng thu:

1. Thu trợ cấp cân đối ngân sách:
2. Thu trên địa bàn xã hưởng:

10.621.772.000

10.086.772.000

535.000.000

B. Tổng chi:

1. Chi thường xuyên:
2. Chi dự phòng:

10.621.772.000

10.409.420.000

212.352.000

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

III. THU NGÂN SÁCH

1. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Chính quyền và các ban ngành đoàn thể để khai thác tối đa các nguồn thu ngân sách trên địa bàn

2. Phối hợp tốt với Chi cục thuế Quận Hợp, các ban ngành huyện, tăng cường khai thác nguồn thu, truy thu các loại thuế triệt để chống thất thu, tăng cường các biện pháp cụ thể, để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế Nhà nước. Có hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân trong việc chấp hành thu nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước

3. Tranh thủ sự giúp đỡ của các ban ngành cấp trên và sự hỗ trợ của các Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH trên địa bàn.

IV. CHI NGÂN SÁCH

1. Công tác điều hành chi ngân sách phải đúng Kế hoạch, hợp lý

2. Tiết kiệm, chống lãng phí tối đa các khoản chi thường xuyên không cần thiết, để ưu tiên chi lương và các khoản có tính chất lương.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo chi đúng luật Ngân sách Nhà nước

4. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ tài chính trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cấp trên trong công tác chi ngân sách.

Trên đây là phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ để thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Các ban chuyên môn của UB;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Lục

BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

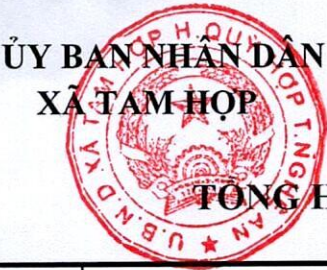
TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN THU NĂM 2024	THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2024	SỐ SÁNH TH/KH
	TỔNG THU	8.987.584.000	12.365.545.000	137,58
A	Thu ngân sách I+II	8.987.584.000	9.441.200.518	105,05
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.365.584.000	8.365.584.000	100,00
II	Thu trên địa bàn	622.000.000	1.075.616.518	172,93
1	Thu từ KV CTN - NQD	420.000.000	320.255.179	76,25
1.1	Thuế GTGT hộ cá thể	420.000.000	320.255.179	76,25
2	Thu thu nhập cá nhân (100%)	70.000.000	166.699.048	238,14
3	Thu phí, lệ phí	76.000.000	71.700.000	94,34
3.1	Phí, lệ phí xã	40.000.000	40.000.000	100,00
3.2	Thu lệ phí môn bài	36.000.000	31.700.000	88,06
4	Thu lệ phí trước bạ nhà đất	50.000.000	60.779.539	121,56
5	Thu cố định tại xã (100 %)	6.000.000	26.067.194	434,45
5.1	Thu cố định tại xã	6.000.000	26.067.194	434,45
6	Thu tiền sử dụng đất		400.123.196	
7	Thuế đất phi nông nghiệp		10.639.346	
8	Tiền cấp quyền khai thác k/s		19.353.016	
B	Thu mục tiêu 2024		950.000.000	
C	Thu chuyển nguồn 2023 chuyển sang		1.974.344.482	

BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2024	SỐ SÁNH TH/KH
	TỔNG CHI	8.987.584.000	12.365.545.000	137,58
A	Tổng chi ngân sách xã I +II +III	8.987.584.000	10.003.122.000	111,30
I	Chi đầu tư phát triển		900.000.000	
1	Chi đầu tư XD CB		900.000.000	
2	Chi đầu tư phát triển			
II	Chi thường xuyên	8.762.337.000	8.877.875.000	101,32
1	Chi công tác DQTV, ANTT	885.349.000	885.340.000	100,00
1.1	Chi hoạt động dân quân tự vệ theo nghị định 72/2020/NĐ-CP	229.469.000	229.460.000	100,00
1.2	Chi hoạt động an ninh trật tự	50.000.000	50.000.000	100,00
1.3	Phụ cấp đối với thôn đội trưởng, công an viên(theo NQ 22/2019/NQ-HĐND)	605.880.000	605.880.000	100,00
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	90.740.000	90.740.000	100,00
3	Sự nghiệp văn hoá thông tin- TDTT	210.000.000	210.000.000	100,00
3.1	KP UBMTTQ cấp xã thực hiện cuộc vận động toàn dân XDNTM	20.000.000	20.000.000	100,00
3.2	KP ban công tác MTTQ tại các khu dân cư	85.000.000	85.000.000	100,00
3.3	KP BCĐ cấp xã phong trào toàn dân đoàn kết XD TN	7.000.000	7.000.000	100,00
3.4	Chi XD tủ sách pháp luật	2.000.000	2.000.000	100,00
3.5	KP hoạt động VH TT, TDTT bao gồm QLNN XD hương ước	5.000.000	5.000.000	100,00
3.6	KP đảm bảo CT QLNN về XD công tác gia đình	10.000.000	10.000.000	100,00
3.7	KP hoạt động VH TT, TDTT	81.000.000	81.000.000	100,00
4	Sự nghiệp xã hội	239.588.000	239.588.000	100,00
4.1	KP chúc thọ, Mừng thọ	51.700.000	51.700.000	100,00
4.2	KP hoạt động ĐBXH	40.000.000	40.000.000	100,00
4.3	Hưu xã	147.888.000	147.888.000	100,00
5	Sự nghiệp Y tế	110.000.000	100.000.000	90,91
5.1	KP phòng chống dịch và vệ sinh ATTP	110.000.000	100.000.000	90,91
6	Sự nghiệp Kinh tế, môi trường	280.000.000	260.000.000	92,86
6.1	KP bảo vệ môi trường khác	120.000.000	110.000.000	91,67
6.2	KP sự nghiệp kinh tế	160.000.000	150.000.000	93,75

7	Chi quản lý hành chính	6.896.660.000	6.741.057.000	97,74
7.1	Kinh phí hoạt động Đảng	316.200.000	311.728.000	98,59
	KP Đảng theo QĐ 99-QĐ /TVV	185.000.000	180.528.000	97,58
	Phụ cấp ủy viên	97.200.000	97.200.000	100,00
	KP hỗ trợ tổ dân vận xóm, khối, bản	34.000.000	34.000.000	100,00
7.2	Kinh phí QLNN,UBMTTQ và các đoàn thể	5.667.720.000	5.664.720.000	99,95
	Trong đó: Quỹ lương cán bộ công chức	2.823.000.000	2.820.000.000	99,89
	Phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách	583.200.000	583.200.000	100,00
	Phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách xóm, khối bản	1.652.400.000	1.652.400.000	100,00
	Bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm	514.080.000	514.080.000	100,00
	UV thường trực MTTQ và UVTV các đoàn thể xã	58.320.000	58.320.000	100,00
	KP Cộng tác viên chăm sóc trẻ em	36.720.000	36.720.000	100,00
7.3	KP hoạt động QLNN; Trong đó	545.400.000	716.609.000	131,39
	KP kiểm soát thủ tục hành chính	3.960.000	3.960.000	100,00
	KP hoạt động ban thanh tra nhân dân	6.000.000	6.000.000	100,00
	KP hoạt động tiếp công dân	3.840.000	3.840.000	100,00
	KP hoạt động giám sát phản biện xã hội của MTTQ	20.000.000	20.000.000	100,00
	KP hoạt động hội PN	16.000.000	16.000.000	100,00
	KP hoạt động Đoàn TN	16.000.000	16.000.000	100,00
	KP hoạt động hội CCB	16.000.000	16.000.000	100,00
	KP hoạt động hội ND	16.000.000	16.000.000	100,00
	KP hoạt động MTTQ Việt nam	40.000.000	40.809.000	102,02
	KP hỗ trợ giám sát đầu tư công	10.000.000	10.000.000	100,00
	KP hoạt động QLNN	397.600.000	520.000.000	130,78
7.4	KP hoạt động các hội đặc thù	48.000.000	48.000.000	100,00
8	KP hoạt động Hội đồng nhân dân xã	319.340.000	300.150.000	93,99
9	Chi khác	50.000.000	51.000.000	102,00
III	Dự phòng	225.247.000	225.247.000	100,00
B	Chi mục tiêu năm 2024		850.000.000	
C	Chi mục tiêu năm 2023 chuyển sang 2024		135.350.000	
D	Chi chuyển nguồn sang năm 2025		1.377.073.000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP NỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	DIỄN GIẢI	Năm XD	Tổng mức đầu tư các dự án được duyệt	Số vốn đã thanh toán lũy kế đến 31/12/2024	Số còn nợ chưa thanh toán đến 30/12/2024	ghi chú
1	CT San lấp mặt bằng 2 khu đất xóm Dinh	2013	374.000.000		374.000.000	
2	CT: 3 phòng học trường Mầm Non	2015	236.375.000	175.239.000	61.136.000	
3	Công trình: XD chợ Bãi	2010	1.517.366.000	1.461.546.000	55.820.000	
4	CT: XD cổng, nhà xe chợ Bãi	2015	82.000.000	40.000.000	42.000.000	
5	CT: Nhà 2 tầng UBND xã	2017	2.996.542.000	2.545.000.000	451.542.000	
6	CT: Đường Bắc Sơn đi Tân thắng ĐH	2019	2.989.334.000	2.326.538.000	662.796.000	
7	CT: Trường Mầm Non xã	2020	6.443.374.000	5.991.984.274	451.389.726	
8	CT: Cải tạo NC nhà thư viện trường TH số 2	2023	244.248.000	228.681.182	15.566.818	
9	CT: Nhà VH cộng đồng xóm Đồng Chạo	2023	1.487.910.009	1.392.000.000	95.910.009	
10	CT: Nhà 2 tầng 10 phòng trường TH số 1	2023	8.663.834.000	3.383.421.000	5.280.413.000	
11	CT: Đường liên xã Tam Hợp đi Đồng Hợp (đoạn từ xóm Sơn Thành đến Xóm Tân Thành)	2023	5.000.000.000	3.880.000.000	1.120.000.000	
12	CT.Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở UBND xã Tam Hợp	2024	700.000.000	568.964.000	131.036.000	
Tổng cộng			30.734.983.009	21.993.373.456	8.741.609.553	-



PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2025	GHI CHÚ
A	<u>THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</u>	10.621.772.000	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN		
I	THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH XÃ	535.000.000	
1	Thu từ KV CTN - NQD	340.000.000	
	Thuế GTGT các hộ gia đình	340.000.000	
	Thu các hộ cá thể (thuế MB)		
2	Thuế TNCN khoán hộ (100%)	60.000.000	
3	Thu phí, lệ phí	70.000.000	
	Phí, lệ phí (Không bao gồm phí BVMT đối với KTKS)	30.000.000	
	Phí môn bài	40.000.000	
	Phí BVMT đối với khai thác Khoáng sản (Điều tiết cấp xã 50%)		
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 100%	5.000.000	
5	Lệ phí trước bạ nhà đất	50.000.000	
6	Thu cấp quyền KTKS (Giấy phép do địa phương cấp - Điều tiết 20%)		
7	Thu cân đối tại xã (100%)	10.000.000	
	Thu HLCS và đất công		
	Thu khác tại xã	10.000.000	
8	Thu tiền sử dụng đất (điều tiết cấp xã 40%)		
II	Thu trợ cấp CĐNS	10.086.772.000	
B	<u>TỔNG CHI</u>	10.621.772.000	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	10.409.420.000	
1	Sự nghiệp an ninh - Quốc phòng	699.613.000	
	Phụ cấp dân quân tự vệ theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP	149.461.000	
	Sự nghiệp Quốc phòng	110.000.000	
	Sự nghiệp An ninh	55.000.000	
	Tổ bảo vệ an ninh cơ sở theo NQ 06/2024/NQ-HĐND theo mức 3 triệu đồng/xóm/năm	51.000.000	
	Phụ cấp thôn đội trưởng (Theo Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND)	334.152.000	
2	Sự nghiệp GD và ĐT	84.600.000	
3	Sự nghiệp VH TT, TDTT	220.000.000	

	Kinh phí UBMTTQ xã thực hiện "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ 07/2018/NQ HĐND tỉnh	20.000.000	
	Kinh phí ban công tác MTTQ tại khu dân cư	85.000.000	
	Kinh phí ban chỉ đạo xã phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới"	7.000.000	
	Kinh phí mua tủ sách pháp luật	2.000.000	
	Kinh phí hoạt động VH TT, TDTT (bao gồm QLNN về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước)	5.000.000	
	Kinh phí đảm bảo công tác QLNN về xây dựng, thực hiện công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình (mỗi xã 10 triệu/năm)	10.000.000	
	Kinh phí hoạt động VH TT, TDTT	91.000.000	
4	Sự nghiệp đảm bảo xã hội, hưu xã	269.454.000	
	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (Theo Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 13/01/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An và Thông tư 86/2018/TT-BTC ngày 10/10/2018 của Bộ Tài chính)	56.400.000	
	Kinh phí hoạt động đảm bảo xã hội	40.000.000	
	Hưu xã theo QĐ 130/CP-111/HĐBT	173.054.000	
5	Sự nghiệp y tế	110.000.000	
6	Sự nghiệp kinh tế, môi trường	280.000.000	
6.1	Chi bảo vệ môi trường	120.000.000	
6.2	Các hoạt động kinh tế	160.000.000	
7	Chi quản lý hành chính	8.695.753.000	
7.1	Kinh phí hoạt động Đảng:	311.360.000	
	- KP Đảng (theo QĐ 99-QĐ/TW)	185.000.000	
	- Phụ cấp ủy viên BCH	126.360.000	
7.2	Kinh phí QLNN, UB MTTQ và các đoàn thể	7.973.197.000	
	- Quỹ lương CBCC	3.711.061.000	
	- Phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách cấp xã	758.160.000	
	- Phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách cấp xóm	2.148.120.000	
	- Bồi dưỡng đối với những người tham gia công việc của xóm, bản (đoàn thể) theo Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND	668.304.000	
	KP hỗ trợ Tổ dân vận xóm, khối, bản	34.000.000	
	- Ủy viên thường vụ MTTQ và UV TV các đoàn thể	75.816.000	
	- Cộng tác viên chăm sóc trẻ em	47.736.000	
	- Kinh phí hoạt động quản lý hành chính	530.000.000	
	+ Kinh phí kiểm soát TTHC	3.960.000	
	+ Kinh phí hoạt động Ban thanh tra nhân dân	6.000.000	
	+ Kinh phí hỗ trợ tiếp công dân (Theo Quyết định 62/2017; Nghị quyết 05/2017)	3.840.000	
	+ Kinh phí hoạt động giám sát, phản biện xã hội của UBMTTQ (Nghị quyết 21/2017/NQ-HĐND)	20.000.000	

	+ Kinh phí Hoạt động các ngành đoàn thể, trong đó:	80.000.000	
	Đoàn thanh niên CSHCM	20.000.000	
	Hội phụ nữ	20.000.000	
	Hội CCB	20.000.000	
	Hội nông dân	20.000.000	
	+ Kinh phí hoạt động Mặt trận tổ quốc	30.000.000	
	+ Kinh phí hoạt động QLNN khác (Bao gồm kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng: 10 tr đồng)	386.200.000	
7.3	Hoạt động các hội đặc thù	48.000.000	
7.4	Hoạt động HĐND	363.196.000	
8	Chi khác	50.000.000	
III	Chi dự phòng	212.352.000	

Tổng dự toán bằng số: 10.621.772.000đồng

Tổng dự toán bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng)